

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án: “Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2025”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị quyết số 58/NQ-TW ngày 05/08/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn 2045;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 03/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành chương trình công tác năm 2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1603 /TTr-SKHCN ngày 23 tháng 11 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án: "Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2025", với các nội dung chủ yếu như sau:

1. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

1.1. Quan điểm phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH&ĐMST) phải là giải pháp đột phá để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2025 và các năm tiếp theo.

- Phát triển KH&ĐMST phải được thực hiện đồng bộ với 3 nhiệm vụ chủ yếu: Đổi mới đồng bộ tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động KH&ĐMST; nâng cao tiềm lực KH&ĐMST; đẩy mạnh ứng dụng KH&ĐMST.

- Hoạt động KHCN&ĐMST phải được đẩy mạnh ở tất cả các cấp, các ngành, các địa phương, trong đó các tổ chức doanh nghiệp, hợp tác xã là trung tâm đổi mới sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ (KH&CN) là chủ thể nghiên cứu chủ yếu. Ưu tiên và tập trung mọi nguồn lực cho phát triển KHCN&ĐMST. Tập trung đầu tư của Nhà nước vào các lĩnh vực trọng điểm, ưu tiên; đồng thời, đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động KHCN&ĐMST; khai thác tối đa, hiệu quả các nguồn lực xã hội đầu tư cho KHCN&ĐMST.

1.2. Mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1.2.1. Mục tiêu chung

Nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học và công nghệ; chú trọng đổi mới sáng tạo; chủ động, tích cực tham gia và ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững giai đoạn 2021-2025.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Về đổi mới đồng bộ tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- 100% tổ chức KH&CN công lập được chuyển đổi sang hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo lộ trình Chính phủ quy định¹;

- 100% các dự án đầu tư mới vào địa bàn tỉnh có sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc các dự án đầu tư có nguy cơ tác động xấu đến môi trường có sử dụng công nghệ được thẩm tra, thẩm định về công nghệ.

b) Về nâng cao tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Tỷ lệ cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đạt 07 người/một vạn dân;

- Trong các tổ chức KH&CN nghiên cứu và phát triển công lập có ít nhất 70% số cán bộ có trình độ từ thạc sĩ và 05 tiến sĩ;

- Xây dựng được thêm 05 nhóm chuyên gia nghiên cứu khoa học và công nghệ trên các lĩnh vực: nông nghiệp, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, y dược, kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nâng tổng số nhóm chuyên gia của tỉnh đạt 09 nhóm vào năm 2025;

- Xây dựng mới được ít nhất 30 doanh nghiệp KH&CN, nâng tổng số doanh nghiệp KH&CN trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 lên 60 đơn vị. Ươm tạo được ít nhất 30 doanh nghiệp sản xuất phần mềm, nội dung số;

¹Đã được cụ thể hóa tại Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 9/4/2019 của UBND tỉnh

- Hỗ trợ phát triển 10 dự án khởi nghiệp đổi mới sang tạo (ĐMST); hỗ trợ phát triển 10 doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST.

c) Về đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Tỷ lệ đóng góp của hoạt động KH&CN&ĐMST thông qua yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP của tỉnh giai đoạn 2021-2025 đạt tối thiểu 40%;

- Tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghệ cao và ứng dụng công nghệ cao chiếm khoảng 30% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp vào năm 2025;

- 100% các nhiệm vụ KH&CN sau khi nghiệm thu đạt yêu cầu được đưa vào ứng dụng;

- Phối hợp, liên kết với ít nhất 05 trường đại học, viện nghiên cứu đầu ngành trong nước và quốc tế để thực hiện một số nhiệm vụ KH&CN đột phá, trực tiếp giải quyết các vấn đề cấp bách, phù hợp với điều kiện, nguồn lực và thế mạnh của tỉnh;

- Số đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp và số văn bằng bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh tăng ít nhất 1,5 lần so với giai đoạn 2016 - 2020;

- Có ít nhất 01 vùng nông nghiệp được công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; có 05 doanh nghiệp được công nhận doanh nghiệp Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

- 100% cơ quan quản lý nhà nước ở cấp huyện, cấp tỉnh áp dụng hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015; 100% UBND cấp xã khu vực đồng bằng, 80% UBND cấp xã khu vực miền núi áp dụng ISO 9001: 2015;

- Số doanh nghiệp, tổ chức đạt giải thưởng chất lượng quốc gia tăng hàng năm ít nhất 10-15% so với giai đoạn 2016-2020; ít nhất 01 doanh nghiệp được hỗ trợ đạt Giải thưởng Chất lượng quốc tế Châu Á Thái Bình Dương.

2. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO GIAI ĐOẠN 2021-2025

2.1. Nâng cao nhận thức về vai trò nền tảng, động lực, giải pháp đột phá để phát triển kinh tế - xã hội của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp chính quyền, ban, ngành, nhất là người đứng đầu về vai trò của KH&CN&ĐMST trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và trong thực hiện các mục tiêu phát triển của từng ngành, phát triển kinh tế - xã hội của mỗi địa phương. Nhận thức được cơ hội và thách thức trước các xu thế quốc tế, nhất là xu thế hội nhập và phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số.

b) Gắn các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển KH&CN&ĐMST với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của từng cấp, từng ngành; kế hoạch ứng dụng và phát triển KH&CN&ĐMST là một nội dung của quy hoạch, kế hoạch phát triển của từng ngành, địa phương.

c) Đẩy mạnh truyền thông về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (ĐMST): nâng cao nhận thức cho cấp ủy, chính quyền, tổ chức, doanh nghiệp và người dân về vai trò và tầm quan trọng của khởi nghiệp ĐMST trong chính sách phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Trong đó hướng mạnh đến tầng lớp trí thức, học sinh, sinh viên, khơi dậy niềm đam mê khởi nghiệp của thế hệ trẻ, tạo sự lan tỏa trong cộng đồng doanh nghiệp để nắm bắt được các cơ chế, chính sách của Đảng và nhà nước hỗ trợ cho khởi nghiệp ĐMST.

2.2. Đổi mới đồng bộ tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh

2.2.1. Triển khai thực hiện quyết liệt các cơ chế, chính sách mới về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Thực hiện chặt chẽ, trách nhiệm, chất lượng và đúng quy trình quản lý nhiệm vụ KH&CN theo quy định ở tất cả các khâu: Đặt hàng, tư vấn xác định nhiệm vụ, tuyển chọn hoặc giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN, thẩm định, nghiệm thu và xử lý tài sản được hình thành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ... và thực hiện triệt để hình thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần thực hiện nhiệm vụ KH&CN, đảm bảo các nhiệm vụ KH&CN được triển khai thực hiện thực sự thiết thực, chất lượng, góp phần giải quyết một cách khoa học, hiệu quả những vấn đề thực tiễn xã hội đang đặt ra, phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội, an ninh - quốc phòng của tỉnh.

b) Nghiên cứu sửa đổi quy định về quản lý các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở có sử dụng ngân sách Nhà nước theo hướng: xác định rõ nguồn ngân sách, định mức chi, thủ tục thanh quyết toán để tạo điều kiện cho các sở, ngành, các huyện, thị xã, thành phố chủ động triển khai các nhiệm vụ KH&CN phục vụ mục tiêu phát triển của ngành, địa phương.

c) Tổ chức thực thi có hiệu quả các quy định về giao quyền sở hữu, quyền sử dụng và thương mại hóa các kết quả nghiên cứu có sử dụng ngân sách nhà nước. Thực hiện tốt quy định về công nhận kết quả nghiên cứu KH&CN không sử dụng ngân sách Nhà nước để hỗ trợ phát triển doanh nghiệp KH&CN và thương mại hóa. Tham mưu cho UBND tỉnh xem xét, quyết định thực hiện cơ chế hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ².

²Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chuyển giao công nghệ.

d) Tổ chức thực hiện việc đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định tại Thông tư số 17/2019/TT-BKHCN ngày 10/12/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ ; xây dựng dữ liệu các chỉ tiêu thống kê KH&CN của tỉnh theo Thông tư 03/2018/TT-BKHCN ngày 15/05/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

đ) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và thanh tra khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chương trình, đề tài, dự án KH&CN sử dụng vốn ngân sách Nhà nước nhằm góp phần nâng cao chất lượng hiệu quả của các nhiệm vụ KH&CN.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra chuyên ngành về công nghệ, phát hiện và xử lý nghiêm các cơ sở sử dụng máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ lạc hậu, kém chất lượng, tiêu tốn nhiều năng lượng và không đáp ứng các quy định về bảo vệ môi trường; tạo sức ép đổi mới, hiện đại hóa công nghệ, thiết bị.

- Đẩy mạnh hoạt động phản biện, giám định và giám sát theo Quyết định số 217/2013-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội; Quyết định số 14/2014/QĐ-TTg ngày 14/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định 163/2016/QĐ-UBND ngày 14/01/2016 của UBND tỉnh về tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật.

2.2.2. Tiếp tục kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực tổ chức khoa học và công nghệ, bộ máy quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ

a) Thực hiện có hiệu quả việc chuyển đổi toàn bộ các tổ chức KH&CN công lập sang hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Ngân sách tỉnh đảm bảo kinh phí hoạt động cho các tổ chức KH&CN công lập thông qua việc giao thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng và giao thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

b) Tiếp tục kiện toàn nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng khoa học ngành, Hội đồng khoa học cấp huyện; nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước về KH&CN, nhất là cấp huyện, ngành theo hướng mỗi huyện, thị xã, thành phố, ngành có ít nhất 01 cán bộ phụ trách công tác KH&CN&ĐMST.

c) Kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN Thanh Hóa, đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

d) Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cán bộ làm công tác quản lý KH&CN&ĐMST ở cấp tỉnh, cấp huyện.

2.3. Nâng cao tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh trên cả 4 yếu tố cơ bản: Nhân lực, tổ chức, cơ sở vật chất và vốn đầu tư

2.3.1. Phát triển nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Đẩy mạnh thu hút và trọng dụng nguồn nhân lực KH&CN chất lượng cao³; ưu tiên tuyển dụng vào các tổ chức KH&CN công lập, các cơ quan nhà nước đối với các nhà khoa học trẻ tài năng, nhằm tạo được nguồn nhân lực KH&CN chất lượng cao; đồng thời, xây dựng mạng lưới các nhà khoa học, chuyên gia giỏi trong tỉnh, trong nước và quốc tế sẵn sàng tham gia giải quyết các vấn đề KH&CN&ĐMST của tỉnh.

b) Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ công chức, viên chức ngành khoa học và công nghệ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao; làm tốt công tác quy hoạch, luân chuyển nhằm tạo điều kiện cho cán bộ KH&CN phát huy tối đa năng lực, sở trường và yên tâm trong công tác.

c) Tổ chức tốt các cuộc thi, hội thi, các giải thưởng sáng tạo KH&CN theo quy định, nhất là giải thưởng KH&CN Thanh Hóa hằng năm nhằm phát hiện và tôn vinh kịp thời những tổ chức, cá nhân có các phát minh, sáng chế, công trình KH&CN&ĐMST đem lại hiệu quả cao.

2.3.2. Phát triển các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN

a) Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại hợp lý các tổ chức KH&CN của các ngành, các trường đại học, cao đẳng theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, trùng lặp và phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

b) Nghiên cứu thành lập Viện Nghiên cứu Kinh tế - Xã hội và Viện Giáo dục Quốc tế Thanh Hóa (trên cơ sở nâng cấp Trung tâm Nghiên cứu Khoa học Xã hội và Nhân văn và Trung tâm Giáo dục quốc tế trực thuộc Trường Đại học Hồng Đức); thành lập Trung tâm kiểm định, kiểm nghiệm tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở các Trung tâm kiểm định, kiểm nghiệm hiện có của các sở, ngành;

c) Hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp KH&CN; doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST; dự án khởi nghiệp ĐMST; doanh nghiệp công nghệ thông tin.

2.3.3. Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng cho nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng cho: Khu nông nghiệp công nghệ cao tại Thành phố Thanh Hóa; khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Lam Sơn - Sao Vàng; khu nông nghiệp công nghệ cao thị trấn Thống Nhất, huyện Yên Định; vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao dọc tuyến đường Hồ Chí Minh để phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực.

³Theo Nghị quyết 58/NQTW ngày 05/08/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

b) Nghiên cứu xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung của tỉnh ⁴.

c) Đầu tư hoàn chỉnh cơ sở vật chất cho các trung tâm nghiên cứu, các phòng thí nghiệm, thử nghiệm của các ngành và trường đại học, cao đẳng.

d) Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại cho các phòng thí nghiệm, thử nghiệm của doanh nghiệp KHCN&ĐMST, doanh nghiệp sản xuất những sản phẩm trọng điểm của tỉnh ở quy mô lớn.

đ) Xây dựng sàn giao dịch công nghệ tỉnh Thanh Hóa để hỗ trợ hoạt động đổi mới công nghệ thiết bị của các doanh nghiệp.

2.3.4. Tăng vốn đầu tư từ ngân sách và tích cực huy động các nguồn lực xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Bố trí tăng dần tỷ lệ chi ngân sách cho KHCN&ĐMST, gồm: Ngân sách địa phương (chi sự nghiệp khoa học, chi đầu tư phát triển KHCN&ĐMST), ngân sách trung ương (khai thác từ các chương trình cấp nhà nước, cấp bộ).

b) Bố trí chi đầu tư phát triển KH&CN thành một mục chi riêng trong dự toán chi ngân sách hằng năm của tỉnh.

c) Triển khai tích cực các biện pháp để vốn đầu tư khác cho KHCN&ĐMST bằng ít nhất 05 lần vốn đầu tư từ ngân sách tỉnh, cụ thể là cho các nhiệm vụ sau:

- Đẩy mạnh việc thành lập Quỹ phát triển KHCN&ĐMST của doanh nghiệp đến năm 2025;

- Tạo điều kiện hỗ trợ tích cực để các tổ chức, doanh nghiệp trong tỉnh tham gia các chương trình, dự án KH&CN của Trung ương, của các tổ chức quốc tế;

- Tiếp tục thực hiện cơ chế đối ứng kinh phí để thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh;

- Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp bỏ vốn đầu tư đổi mới công nghệ, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các phòng thí nghiệm, trung tâm phân tích, kiểm định, kiểm nghiệm trực thuộc doanh nghiệp.

2.3.5. Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Tích cực phối hợp, liên kết với các trường đại học, viện nghiên cứu đầu ngành trong nước và quốc tế để thực hiện một số nhiệm vụ KH&CN đột phá; trực tiếp giải quyết các vấn đề cấp bách, phù hợp với điều kiện, nguồn lực và thế mạnh của tỉnh trên các lĩnh vực: Năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; bảo vệ

⁴Theo Nghị quyết 58/NQTW ngày 05/08/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

môi trường (xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp, chất thải nông nghiệp, ...); cơ khí, chế tạo máy phục vụ phát triển ngành nông nghiệp, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp nặng.

b) Hỗ trợ các dự án và doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST kết nối và sử dụng dịch vụ ở các Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST quốc gia; thu hút cổ vấn, chuyên gia, nhà đầu tư khởi nghiệp ĐMST có uy tín ở trong nước, nước ngoài hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST.

c) Phát huy hơn nữa hiệu quả hợp tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ với các đối tác truyền thống như: Tỉnh Mittelsachsen, Đức; thành phố Seongnam, Hàn Quốc...; đồng thời, tích cực mở rộng quan hệ hợp tác với các quốc gia khác trong nghiên cứu, chuyển giao công nghệ; trao đổi, đào tạo nguồn nhân lực khoa học công nghệ và nhất là kêu gọi vốn đầu tư từ nước ngoài để triển khai, thực hiện các dự án khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh có quy mô lớn.

2.4. Đẩy mạnh hoạt động ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhất là thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư để tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội

a) Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trọng điểm giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

- Chương trình 1: Phát triển tiềm lực khoa học, công nghệ và nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo;
- Chương trình 2: Ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp công nghệ cao, thông minh⁵ và xây dựng nông thôn mới;
- Chương trình 3: Đổi mới công nghệ, ứng dụng thành tựu của CMCN 4.0 phục vụ nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa;
- Chương trình 4: Ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ trong y dược phục vụ nâng cao chất lượng chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng;
- Chương trình 5: Khoa học xã hội và nhân văn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội;
- Chương trình 6: Ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

(Mục tiêu, nội dung các chương trình tại Phụ lục I kèm theo)

b) Ban hành chính sách khuyến khích phát triển KHCN&ĐMST trở thành khâu đột phá trong phát triển kinh tế xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025.

⁵Theo Nghị quyết 58/NQ-TW ngày 05/08/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

c) Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 210/KH-UBND ngày 11/10/2019 của UBND tỉnh về ứng dụng các công nghệ mới của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021- 2025.

d) Đẩy mạnh thu hút đầu tư các dự án sản xuất sản phẩm mới, sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn. Ban hành danh mục các sản phẩm mới, sản phẩm công nghệ cao cần khuyến khích đầu tư vào địa bàn tỉnh đến năm 2025.

đ) Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ để xây dựng các vùng nông nghiệp đáp ứng các tiêu chí được công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ; công nhận doanh nghiệp Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

e) Xây dựng chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp KH&CN và hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021- 2025; khuyến khích, hỗ trợ phát triển năng lực ĐMST trong doanh nghiệp, phát triển theo xu hướng ứng dụng các công nghệ số trong cuộc CMCN 4.0.

2.5. Xây dựng và phát triển thương hiệu đối với các sản phẩm, hàng hóa

a) Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng và phát triển thương hiệu đối với sản phẩm, hàng hóa, đặc biệt là các sản phẩm chủ lực của tỉnh, sản phẩm OCOP.

b) Hỗ trợ các doanh nghiệp phần mềm và nội dung số đăng ký sở hữu trí tuệ quyền tác giả cho sản phẩm phần mềm và nội dung số trọng điểm của Thanh Hóa.

c) Hỗ trợ các địa phương xây dựng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể đối với các sản vật, đặc sản địa phương và có thị trường tiêu thụ lớn.

d) Tổ chức quản lý và khai thác tốt các sản phẩm đã được bảo hộ về chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể trong giai đoạn 2016 - 2020.

2.6. Đẩy mạnh việc áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, hệ thống truy xuất nguồn gốc

a) Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến để nâng cao chất lượng sản phẩm hoặc tạo ra sản phẩm mới đạt tiêu chuẩn quốc tế nhằm tăng khả năng cạnh tranh, tiếp tục mở rộng thị trường. Đặc biệt là vượt qua được hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) của các nước nhập khẩu.

b) Triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch áp dụng và quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025. Có công thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh kết nối với Công thông tin truy xuất nguồn gốc quốc gia và phần mềm kết nối cung cầu nông sản,

thực phẩm an toàn tỉnh Thanh Hóa hoạt động hiệu quả và ổn định.

c) Khuyến khích doanh nghiệp sản xuất phần mềm và nội dung số đạt chuẩn CMMi.

2.7. Nâng cao hiệu quả áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 trong các cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã

a) Hoàn thành việc chuyển đổi ISO 9001:2008 sang ISO 9001:2015 trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh vào năm 2022.

b) Tiếp tục mở rộng đối tượng xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 đến xã, phường, thị trấn. Phấn đấu đến năm 2025 hệ thống quản lý ISO 9001:2015 được áp dụng có hiệu quả ở 100% UBND cấp xã khu vực đồng bằng, 80% UBND cấp xã khu vực miền núi.

3. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Nguồn kinh phí thực hiện Đề án từ nguồn ngân sách tỉnh và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, bao gồm:

- Nguồn vốn sự nghiệp khoa học và công nghệ.

- + Kinh phí thực hiện Chính sách khuyến khích phát triển KH&ĐMST trở thành khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2021-2025 ổn định, dự kiến 50 tỷ đồng/năm.

- + Kinh phí chi cho đề tài, dự án khoa học và công nghệ ổn định, dự kiến 53 tỷ đồng/năm.

- Nguồn vốn đầu tư phát triển khoa học và công nghệ: Căn cứ vào các nhiệm vụ được giao, các ngành, đơn vị đề xuất các dự án cụ thể trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định. Các dự án được duyệt, sẽ được xem xét bố trí vốn hằng năm theo quy định.

- Nguồn kinh phí xã hội hóa huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ nhiệm vụ được giao tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả; định kỳ, hằng năm gửi báo cáo tình hình thực hiện Đề án về Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày 15/11 để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Sở Khoa học và Công nghệ:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Đề án này;

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan, xây dựng kế hoạch kinh phí sự nghiệp khoa học để thực hiện Đề án hằng năm; gửi Sở Tài chính thẩm định và trình duyệt theo quy định.

- Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Đề án; tổng kết, đánh giá, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh định kỳ trước ngày 25/12 hằng năm.

3. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thẩm định kế hoạch kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ để thực hiện Đề án hằng năm, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt; kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn các đơn vị có liên quan sử dụng kinh phí hiệu quả, đúng mục đích và quyết toán theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

4. UBND các huyện, thị xã, thành phố: Xây dựng kế hoạch cụ thể của địa phương, phối hợp với các đơn vị liên quan để triển khai thực hiện các nội dung được giao trong Đề án; định kỳ hằng năm, sơ kết đánh giá tình hình thực hiện, gửi Sở KH&CN trước ngày 15/11 để tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- BộKH&CN (để báo cáo);
- T.Trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu: VT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Quyền

Phụ lục I
CÁC CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI
SÁNG TẠO TRONG ĐIỂM CỦA TỈNH, GIAI ĐOẠN 2021- 2025

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

Chương trình 1: Phát triển tiềm lực khoa học, công nghệ và nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo

Mục tiêu: Tăng cường đầu tư phát triển tiềm lực KH&CN&ĐMST nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng, tiếp thu, làm chủ các tiến bộ KH&CN. Trong đó tập trung vào củng cố, phát triển hệ thống tổ chức KH&CN; đẩy mạnh hình thành và phát triển hệ thống doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST; xây dựng các khu nông nghiệp và công nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Nhiệm vụ chủ yếu:

- Đào tạo để nâng cao trình độ của cán bộ quản lý KH&CN&ĐMST; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực nghiên cứu, tiếp thu và làm chủ công nghệ tiên tiến của cán bộ tham gia nghiên cứu KH&CN&ĐMST; đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao; đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao đồng bộ về nông nghiệp thông minh 4.0 và du lịch canh nông.

- Củng cố, phát triển hệ thống tổ chức KH&CN trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu quả hoạt động, thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập.

- Xây dựng và phát triển thị trường KH&CN&ĐMST, thúc đẩy kết nối cung cầu công nghệ, chuyển giao KH&CN&ĐMST, hỗ trợ cung cấp thông tin để doanh nghiệp lựa chọn quyết định đầu tư, đổi mới công nghệ trong sản xuất. Xây dựng Sàn giao dịch công nghệ tỉnh Thanh Hóa để hỗ trợ hoạt động đổi mới công nghệ thiết bị của các doanh nghiệp; trước mắt, đưa sàn giao dịch công nghệ ảo vào hoạt động trong năm 2022.

- Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật hiện đại cho các tổ chức nghiên cứu phát triển và dịch vụ KH&CN&ĐMST công lập: Viện Nông nghiệp; Trung tâm dịch vụ kỹ thuật - Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng; Trung tâm thông tin - Ứng dụng - Chuyển giao KH&CN; Phòng thí nghiệm Vật liệu điện tử, hóa - sinh phục vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của Trường Đại học Hồng Đức và các tổ chức KH&CN công lập khác. Ưu tiên đầu tư cải tạo nâng cấp hệ thống xét nghiệm trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh để nâng

cao năng lực xét nghiệm, ứng phó với các bệnh dịch truyền nhiễm mới có tính chất nguy hiểm, lây lan nhanh trong cộng đồng.

- Hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST, doanh nghiệp công nghệ thông tin; Hỗ trợ các doanh nghiệp thành lập các tổ chức KH&CN, các phòng thí nghiệm trực thuộc doanh nghiệp; Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại cho các phòng thí nghiệm, thử nghiệm của doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST, doanh nghiệp sản xuất những sản phẩm trọng điểm của tỉnh ở quy mô lớn.

- Xây dựng hệ thống thông tin và thống kê KHCN&ĐMST; xây dựng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu các nhà khoa học, các chuyên gia thuộc các lĩnh vực để cung cấp cho các doanh nghiệp, các tổ chức KH&CN có nhu cầu.

- Xây dựng và phát triển về số lượng và chất lượng hệ thống doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST: Xây dựng và triển khai chương trình/chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST tỉnh Thanh Hóa.

- Tiếp tục nghiên cứu, ban hành các chính sách, chương trình, đề án nâng cao năng lực KHCN&ĐMST đặc biệt ưu tiên lĩnh vực chế biến - chế tạo, tạo đòn bẩy quan trọng từ vốn đầu tư, cơ hội tiếp cận thị trường công nghệ, phát triển tài sản trí tuệ và xây dựng thương hiệu.

Nguồn vốn để thực hiện chương trình này là vốn đầu tư phát triển KH&CN, vốn sự nghiệp KH&CN và các nguồn vốn khác.

Chương trình 2: Ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp công nghệ cao, thông minh và xây dựng nông thôn mới

Mục tiêu: Tập trung nghiên cứu, ứng dụng, các công nghệ mới, tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực nông nghiệp. Thông qua thực hiện các nhiệm vụ KH&CN: Chọn tạo được ít nhất 03 giống cây trồng công nhận lưu hành và được cấp văn bằng bảo hộ; Tuyển chọn được 4-5 giống cây trồng mới có giá trị kinh tế cao; nghiên cứu làm chủ được ít nhất công nghệ sản xuất 2 giống thủy sản có giá trị kinh tế cao phù hợp với vùng sinh thái tỉnh Thanh Hóa. Có ít nhất 02 sản phẩm ứng dụng trong nông nghiệp được công nhận sáng chế/giải pháp hữu ích; Có ít nhất 02 giống/sản phẩm/quy trình sản xuất/giải pháp kỹ thuật/giải pháp quản lý trong nông nghiệp được công nhận là tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp⁶; có ít nhất 03 mô hình ứng dụng các công nghệ mới của cuộc CMCN 4.0 trong sản xuất nông nghiệp. Nghiên cứu bảo tồn và khai thác ít nhất 02 nguồn gen có giá trị kinh tế.

⁶Thông tư số 04/2018/TT-BNNPTNT ngày 03/05/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục công nhận tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp.

Nhiệm vụ chủ yếu:

- Nghiên cứu chọn tạo, khảo nghiệm và ứng dụng rộng rãi giống cây trồng mới có năng suất cao, chất lượng tốt và khả năng chống chịu sâu bệnh, điều kiện thời tiết bất thuận cao.

- Nghiên cứu ứng dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật về: Giống, hệ thống canh tác, cơ giới hóa, quản lý dịch bệnh, tạo ra chuỗi sản xuất hợp lý, tiết kiệm chi phí, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm và bảo vệ môi trường. Tăng cường khả năng dự báo thị trường làm cơ sở định hướng sản xuất nông sản hàng hóa phục vụ thị trường xuất khẩu. Nghiên cứu, sử dụng các sản phẩm phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học trong sản xuất, nhất là trong sản xuất cây dược liệu và cây rau màu. Nghiên cứu xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất tập trung, quy mô lớn.

- Ứng dụng công nghệ di truyền để chọn lọc giống, tạo giống chất lượng và bảo tồn nguồn gen vật nuôi; sản xuất giống mới có năng suất, chất lượng cao; ứng dụng những kỹ thuật mới nhằm nâng cao tỷ lệ thụ thai; sử dụng tinh đông lạnh của các giống bò thịt có năng suất cao để lai tạo. Nâng tỷ lệ cơ giới hóa trong chăn nuôi; nghiên cứu phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại tập trung, ứng dụng công nghệ cao theo chuỗi giá trị. Đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật phát triển chăn nuôi theo quy trình VietGAHP, đảm bảo chất lượng cao và an toàn sinh học.

- Nghiên cứu, tiếp nhận làm chủ công nghệ tiên tiến sản xuất nhân tạo giống thủy sản, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học, triển khai các mô hình nuôi trồng theo hướng thâm canh, áp dụng công nghệ cao; đẩy mạnh hình thức nuôi lồng, bè trên biển, các mô hình nuôi kết hợp bảo vệ môi trường sinh thái, gắn kết giữa nuôi trồng, khai thác với chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Nghiên cứu ứng dụng công nghệ cấp đông sản phẩm trên biển, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng hải sản đánh bắt trên biển.

- Ứng dụng công nghệ nhân giống cây lâm nghiệp bằng nuôi cấy mô, hom; sản xuất nhân giống cây lâm nghiệp bằng phương pháp nuôi cấy mô. Phát triển rừng sản xuất gỗ lớn có giá trị kinh tế cao gắn với chế biến. Đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hóa trong lâm nghiệp. Nghiên cứu trồng thử một số cây lâm nghiệp mới; khảo nghiệm sản xuất cây có giá trị kinh tế cao gắn với công nghiệp chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

- Đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ sau thu hoạch từ khâu bảo quản, sơ chế và chế biến các sản phẩm, góp phần giảm thiểu tỷ lệ thất thoát sau thu hoạch và nâng cao giá trị sản phẩm. Tập trung phổ cập công nghệ làm khô lúa và hoa màu sau thu hoạch. Tiếp thu và phổ cập công nghệ bảo quản lạnh, công nghệ an toàn thực phẩm để bảo quản rau, hoa, quả tươi, thủy sản, sản phẩm chăn nuôi.

Từng bước hiện đại hóa hệ thống kiểm tra chất lượng nông sản thực phẩm chế biến theo công nghệ phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế và khu vực.

- Nghiên cứu xây dựng các mô hình ứng dụng các công nghệ mới của cuộc CMCN 4.0 trong sản xuất nông nghiệp: (1) Ứng dụng các thiết bị cảm biến, thông minh được kết nối và điều khiển tự động trong suốt quá trình sản xuất nông nghiệp giúp ứng phó với biến đổi khí hậu, cải thiện vi khí hậu trong nhà kính; (2) Ứng dụng công nghệ đèn LED sử dụng đồng bộ trong canh tác kỹ thuật cao để tối ưu hóa quá trình sinh trưởng; (3) Canh tác trong nhà kính, nhà lưới, sử dụng công nghệ thủy canh, khí canh nhằm cách ly môi trường tự nhiên; (4) Ứng dụng các thiết bị cấp điện mặt trời và các bộ pin điện mặt trời nhằm sử dụng hiệu quả không gian, giảm chi phí năng lượng trong trang trại/doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp; (5) Sử dụng các thiết bị bay không người lái và các vệ tinh khảo sát thực trạng, thu thập dữ liệu, từ đó phân tích, khuyến nghị trên cơ sở dữ liệu cập nhật để quản lý sản xuất; (6) Ứng dụng quy trình quản lý phục vụ kết nối các hoạt động từ trang trại với bên ngoài (quản lý sản phẩm theo chuỗi giá trị; truy xuất nguồn gốc....).

Chương trình 3: Đổi mới công nghệ, ứng dụng thành tựu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư phục vụ nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa, dịch vụ

Mục tiêu: Góp phần thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu sản xuất, tạo điều kiện hình thành và phát triển ngành nghề mới, làm thay đổi phương thức lao động, sản xuất truyền thống hoặc cải thiện điều kiện và môi trường lao động, sản xuất. Phát triển công nghệ đạt trình độ cao hơn so với các công nghệ đang ứng dụng trong tỉnh. Ứng dụng và phát triển các công nghệ tiên tiến, hiện đại, các công nghệ chủ chốt của cuộc CMCN 4.0 để tạo ra các sản phẩm mới có tính cạnh tranh cao cho các ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh; thông qua thực hiện các nhiệm vụ KH&CN: Có ít nhất 03 sản phẩm phần mềm trí tuệ nhân tạo. 03 sản phẩm (cơ khí, chế tạo/quy trình công nghệ/giải pháp kỹ thuật) được công nhận sáng chế/giải pháp hữu ích; có ít nhất 05 sản phẩm mới được hoàn thành công đoạn sản xuất thử nghiệm; có ít nhất 05 công nghệ ứng dụng thành tựu của CMCN 4.0 được chuyển giao.

Nhiệm vụ chủ yếu:

- Hỗ trợ chuyển đổi số cho các nhà máy sản xuất quy mô lớn thuộc lĩnh vực công nghiệp theo hướng nhà máy thông minh (smart factory). Hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất các sản phẩm thực phẩm nông lâm thủy sản của tỉnh triển khai phần mềm quản lý chuỗi cung ứng sản phẩm thực phẩm an toàn và tích hợp thông tin vào mã QR Code phục vụ truy xuất nguồn gốc.

- Hỗ trợ xây dựng bệnh viện thông minh; hỗ trợ các cơ sở y tế tuyến cơ sở xây dựng hệ thống hồ sơ quản lý sức khỏe điện tử.

- Hỗ trợ chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước, các đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội. Hoàn thành việc xây dựng trung tâm Điều hành, giám sát an toàn, an ninh mạng; trung tâm Điều hành đô thị thông minh.

- Phát triển cơ sở hạ tầng mạng thông tin di động trên cơ sở ứng dụng các công nghệ hiện đại, tiên tiến như 5G, Ite...; phát triển dịch vụ logistic, hạ tầng cho KH&CN, giáo dục đào tạo, văn hóa, thể thao du lịch.

- Hỗ trợ nghiên cứu công nghệ, quy trình công nghệ trong lĩnh vực sản xuất vật tư, trang thiết bị nông nghiệp công nghệ cao; công nghệ bảo quản, chế biến sản phẩm nông thủy sản có giá trị cao, đáp ứng tiêu chuẩn sạch, an toàn, đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu. Hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm mới theo hướng tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường.

- Trong lĩnh vực chế tạo, đẩy mạnh hoạt động tiếp nhận chuyển giao, tập trung đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ cao và tự động hóa.

Chương trình 4: Ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ trong y dược, nâng cao chất lượng chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng

Mục tiêu: Góp phần xây dựng tiềm lực y tế tỉnh Thanh Hóa từng bước phát triển, tiến dần đến trình độ y tế các thành phố lớn trong nước để phục vụ nhu cầu chăm sóc và điều trị bệnh của nhân dân trong và ngoài tỉnh. Qua thực hiện nhiệm vụ KH&CN: Tiếp nhận và làm chủ được ít nhất 10 kỹ thuật cao, kỹ thuật tiên tiến mới trong chẩn đoán và điều trị; xây dựng được ít nhất 02 mô hình y tế thông minh. Nghiên cứu sản xuất được ít nhất 02 sản phẩm thuốc đông dược/thực phẩm chức năng.

Nhiệm vụ chủ yếu:

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật trong chẩn đoán và điều trị, tập trung vào các dịch vụ y tế có hàm lượng trí tuệ cao, có tiềm năng phát triển trong lĩnh vực xét nghiệm, chuẩn đoán, phẫu thuật điều trị, như: Xét nghiệm chẩn đoán ung thư, xét nghiệm sinh hóa cao cấp, xét nghiệm sinh học phân tử; ứng dụng robot trong phẫu thuật, ghép tạng, can thiệp tim mạch.

- Xây dựng và triển khai mô hình y tế thông minh tại các bệnh viện. Ưu tiên triển khai mô hình y tế từ xa; giảm quá tải, tạo cân bằng người bệnh giữa tuyến trên - tuyến dưới; tăng cường năng lực chuyên môn tuyến dưới và kết nối mạng lưới các bệnh viện.

- Xây dựng hệ thống hồ sơ quản lý sức khỏe điện tử, đảm bảo mỗi người dân đều có hồ sơ sức khỏe điện tử được lưu trữ trong hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử quốc gia; triển khai thực hiện dự án thuê hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh y tế (PACS) tại các bệnh viện công lập; ứng dụng robot trong phẫu

thuật và - Nghiên cứu xây dựng mới đề án cấp cứu ngoại viện, đề án tế bào gốc...

- Ứng dụng công nghệ và kỹ thuật tiên tiến, công nghệ sinh học trong lĩnh vực y tế dự phòng các bệnh truyền nhiễm, nguy hiểm, các bệnh mới phát sinh.

- Tiếp tục phát triển các kỹ thuật chẩn đoán và điều trị chuyên sâu mang tính mũi nhọn; các kỹ thuật điều trị tim mạch chất lượng cao; triển khai phẫu thuật ít xâm lấn, vi phẫu thuật và phát triển các kỹ thuật hiện đại.

- Nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật ghép tạng, ghép tế bào gốc điều trị các bệnh ác tính, bệnh tim mạch, bệnh khớp, thần kinh, sọ não; tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm; ứng dụng kỹ thuật sinh học phân tử, bảo đảm chẩn đoán và điều trị kỹ thuật chuyên sâu đạt tiêu chuẩn ISO.

- Nghiên cứu sản xuất một số loại thuốc, các loại dược liệu y học cổ truyền, nguyên liệu làm thuốc kháng sinh, vitamin và thực phẩm chức năng.

Chương trình 5: Khoa học xã hội và nhân văn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

Mục tiêu: Cung cấp cơ sở khoa học và cơ sở thực tiễn nhằm khai thác các tiềm năng, thế mạnh của tỉnh về du lịch, giáo dục, văn hóa, con người...; cung cấp luận cứ cho việc hoạch định chiến lược và chính sách, các quyết định, chủ trương và biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Qua thực hiện nhiệm vụ KH&CN, có ít nhất 05 bài báo công bố kết quả nghiên cứu được đăng tải trên tạp chí khoa học có uy tín; có ít nhất 05 đầu sách được xuất bản.

Nhiệm vụ chủ yếu:

- Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến củng cố và xây dựng hệ thống chính trị, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước; đổi mới cơ chế quản lý; cải cách hành chính; xây dựng chính quyền các cấp kiến tạo, phục vụ; rà soát hoàn thiện cơ chế chính sách tạo thuận lợi cho chủ động tham gia cuộc CMCN 4.0 và quá trình chuyển đổi số của tỉnh.

- Nghiên cứu bảo tồn, phát huy các giá trị truyền thống - lịch sử - văn hoá của Thanh Hóa; các vấn đề dân tộc, tôn giáo; văn hoá ứng xử; phát huy nguồn lực con người. Đề xuất những giải pháp quản lý, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tạo môi trường cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến cơ chế chính sách, mô hình, giải pháp phát triển kinh tế với tốc độ nhanh và bền vững; thực hiện điều chỉnh cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; các vấn đề về kinh tế vùng và các vùng kinh tế; các loại hình tổ chức kinh tế.

- Nghiên cứu, điều tra khảo sát nhu cầu, phản hồi của doanh nghiệp về nền hành chính, chính sách, môi trường đầu tư... các vấn đề về tiềm năng thế mạnh và môi trường đầu tư của Thanh Hóa.

- Nghiên cứu các vấn đề, cơ chế, chính sách đổi mới quản lý và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

- Nghiên cứu xây dựng, phát triển nguồn nhân lực đủ về số lượng và chất lượng phù hợp yêu cầu phát triển các ngành, các lĩnh vực, góp phần nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, đáp ứng yêu cầu hội nhập sâu rộng kinh tế quốc tế.

- Nghiên cứu phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, có tính chuyên nghiệp, có hệ thống cơ sở vật chất - kỹ thuật tương đối đồng bộ.

- Nghiên cứu chú trọng đa dạng hóa sản phẩm du lịch và phát triển các sản phẩm du lịch có tiềm năng, lợi thế, nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư khai thác du lịch và khẳng định thương hiệu, năng lực cạnh tranh; sản phẩm du lịch có chất lượng cao, đa dạng, có thương hiệu, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc.

- Phát triển du lịch bền vững, gắn chặt với việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc; giữ gìn cảnh quan, bảo vệ môi trường; bảo đảm an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội.

- Nghiên cứu các giá trị văn hóa dân tộc khu vực miền núi phía Tây tỉnh Thanh Hóa phát triển du lịch góp phần xóa đói giảm nghèo và giảm dần khoảng cách giữa khu vực miền núi và đồng bằng.

Chương trình 6: Ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên và ứng phó với biến đổi khí hậu

Mục tiêu: Đưa ra các biện pháp chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai, giảm phát thải khí nhà kính; tạo bước chuyển biến cơ bản trong khai thác, sử dụng tài nguyên theo hướng hợp lý, hiệu quả và bền vững; kiểm soát gia tăng ô nhiễm môi trường và suy giảm đa dạng sinh học. Qua thực hiện nhiệm vụ KH&CN, tiếp nhận ít nhất 02 công nghệ xử lý ô nhiễm môi trường; 02 công nghệ sản xuất có sử dụng phế phụ phẩm hoặc sử dụng năng lượng tái tạo; 02 giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu.

Nhiệm vụ chủ yếu:

- Ứng dụng công nghệ, kỹ thuật tiên bộ mới trong xử lý ô nhiễm môi trường tại các khu, cụm công nghiệp, tụ điểm khai thác, chế biến khoáng sản, các làng nghề, lưu vực sông, các đô thị và khu vực nông thôn.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, nhân rộng các mô hình xử lý nước thải y tế, nước thải công nghiệp, nước thải chế biến nông, lâm, hải sản, nước thải sinh hoạt đô thị; xử lý chất thải rắn, quản lý chất thải nguy hại; tái sử dụng, tái chế và sản xuất, thu hồi năng lượng từ chất thải.

- Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, tránh giảm nhẹ thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu. Ứng dụng công nghệ sạch, công nghệ thân thiện với môi trường để tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, giảm phát thải khí nhà kính.

- Nghiên cứu các giải pháp xanh để kết hợp giữa bảo vệ bờ biển với phát triển các khu du lịch ven biển bền vững.

- Nghiên cứu các biện pháp bảo tồn đa dạng sinh học, bảo tồn và phát triển các nguồn gen quý hiếm;

- Nghiên cứu triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn các hồ chứa nước, đê biển, đê sông xung yếu, cống ngăn mặn, giữ ngọt; bảo vệ, đẩy mạnh phục hồi, trồng rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển, rừng phòng hộ đầu nguồn;

- Nghiên cứu các máy móc, thiết bị và công nghệ phục vụ công tác xử lý môi trường trên bờ biển phục vụ bảo vệ biển và phát triển ngành du lịch biển.

- Đẩy mạnh điều tra, đánh giá tiềm năng, trữ lượng, giá trị kinh tế, thực trạng và xu hướng diễn biến phục vụ nghiên cứu các biện pháp quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên của tỉnh theo hướng hạn chế tối đa xuất khẩu khoáng sản thô, thúc đẩy chế biến sâu. Bảo vệ, phòng, chống hoang mạc hóa, sa mạc hóa; bảo vệ nguồn nước, tăng cường quản lý nguồn nước theo lưu vực sông; kiểm soát các hoạt động khai thác, đấu tranh, ngăn chặn tình trạng đánh bắt mang tính hủy diệt nhằm bảo vệ nguồn lợi thủy sản, đặc biệt là vùng gần bờ./.

Phụ lục II

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG TÂM CỦA ĐỀ ÁN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Đổi mới đồng bộ tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động			
1.1	Chuyển đổi toàn bộ các tổ chức KH&CN công lập do UBND tỉnh thành lập sang hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 9/4/2019 của UBND tỉnh.	Các tổ chức KH&CN công lập	Sở Nội vụ	2021-2025
1.2	Sửa đổi các quy định quản lý các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước.	Sở KH&CN	Sở Tư pháp	2021-2022
1.3	Kiểm toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN Thanh Hóa.	Sở KH&CN	Sở Nội vụ	2021
1.4	Khảo sát, đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất theo Thông tư số 17/2019/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở KH&CN	Sở Công thương	2022-2023
1.5	Xác định tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện đổi mới sáng tạo và đưa ra đánh giá cụ thể về hiệu quả của việc thực hiện đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp trong địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2025.	Sở KH&CN	Sở Công thương	2024-2025
1.6	Thống kê, đánh giá tình hình thực hiện việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ mới có kèm theo chuyển giao công nghệ và máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng.	Cục Hải quan	Sở KH&CN	2021-2025
2	Nâng cao tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo			
2.1	Xây dựng tiêu chí chuyên gia, tiêu chí nhóm chuyên gia KH&CN; xây dựng cơ sở dữ liệu các nhà khoa học, các chuyên gia thuộc các lĩnh vực để cung cấp cho các doanh nghiệp, các tổ chức KH&CN có nhu cầu.	Sở KH&CN	Các trường đại học; các tổ chức KH&CN	2021

2.2	Xây dựng phương án thành lập Viện Nghiên cứu Kinh tế - Xã hội và Viện Giáo dục Quốc tế Thanh Hóa (trên cơ sở nâng cấp Trung tâm Nghiên cứu Khoa học Xã hội và Nhân văn và Trung tâm Giáo dục quốc tế trực thuộc Trường Đại học Hồng Đức).	Trường Đại học Hồng Đức	Sở Nội vụ	2021-2022
2.3	Xây dựng phương án thành lập Trung tâm kiểm định, kiểm nghiệm tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở các Trung tâm có chức năng kiểm định kiểm nghiệm hiện có.	Sở KH&CN	Sở Nội vụ	2021-2022
2.4	Xây dựng phương án thành lập Khu công nghệ thông tin tập trung của tỉnh.	Sở TT&TT	Sở KH&ĐT	2021-2022
2.5	Xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị cho các tổ chức KH&CN công lập, các phòng thí nghiệm, thử nghiệm thuộc các ngành, trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2021-2025.	Sở KH&CN	Sở KH&ĐT	2021
2.6	Lập và triển khai dự án Sàn giao dịch công nghệ tỉnh Thanh Hóa; lập kế hoạch xây dựng dữ liệu các chỉ tiêu thống kê KHCN&ĐMST của tỉnh.	Sở KH&CN	Sở KH&ĐT	2021
2.7	Tham mưu kết hợp xúc tiến hợp tác quốc tế về KHCN&ĐMST trong các chuyến làm việc của Đoàn công tác tỉnh Thanh Hóa tại nước ngoài. Vận động người Thanh Hóa ở nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực khoa học và chuyển giao công nghệ về quê hương.	Sở Ngoại vụ	Sở KH&CN	2021-2025
3	Đẩy mạnh hoạt động ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo			
3.1	Xây dựng chính sách khuyến khích phát triển KHCN&ĐMST trở thành đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2021-2025.	Sở KH&CN	Sở Tài chính	2021
3.2	Xây dựng chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp KH&CN, hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST giai đoạn 2021-2025.	Sở KH&CN	Sở KH&ĐT	2021
3.3	Xây dựng chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2025.	Sở KH&CN	Sở Công thương	2021
3.4	Xây dựng các Chương trình KH&CN trọng điểm của ngành, địa phương giai đoạn 2021-2025 và tổ chức triển khai thực hiện.	Các ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở KH&CN	2021